UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN MINH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171 /BC-UBND	*Minh Long,ngày 26 tháng 4 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 384/BDT-CSDT ngày 02/4/2024 của Ban Dân tộc tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025; UBND huyện Minh Long báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 -2025, cụ thể như sau:

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Minh Long là một huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, cách thành phố Quảng Ngãi 30 km về phía tây nam; Đông và đông bắc giáp với huyện Nghĩa Hành; Tây và tây bắc giáp huyện Sơn Hà; phía nam giáp huyện Ba Tơ. Huyện Minh Long có tổng diện tích tự nhiên là 23.719,87 ha.

Toàn huyện có 05 đơn vị hành chính cấp xã, 31 thôn, 13 cơ quan chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện và 17 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện quản lý. Số hộ 5.274 hộ với số dân số khoảng 19.488 người, có 02 dân tộc Kinh và H’re; trong đó, dân tộc H’rê chiếm 80% dân số, mật độ dân số sống thưa thớt và phân bố không đồng đều, người dân sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm nghiệp. Huyện có 03/05 xã thuộc xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Tổng số hộ nghèo cuối năm 2023 là 885/5.274 hộ, chiếm tỷ lệ 16,78% trong đó: Hộ cận nghèo là 263/5.274 hộ, giảm 51 hộ chiếm tỷ lệ 4,98%; Trong đó số hộ nghèo DTTS là 774 hộ; Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 204 hộ.

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-TTG NGÀY 31/12/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

I. HỆ THỐNG VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/2020/QĐ-TTG TRONG VIỆC ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH

1. Thực trạng thi hành các văn bản liên quan tới Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

Các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện đảm bảo, khi thực hiện các chính sách trên địa bàn huyện đều áp dụng các văn bản quy định về đối tượng, địa bàn thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2. Việc áp dụng các tiêu chí trong triển khai thực hiện chính sách giai đoạn 2021-2025

a. Tiêu chí 1:

Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn từ năm 2019 đến nay (31/12/2023) giảm 4,32% thực tế trong những năm qua trên địa bàn huyện số hộ nghèo giảm tương đối qua các năm. Tuy nhiên, do cuối năm 2020 kết thúc giai đoạn áp dụng chuẩn nghèo cũ và đầu năm 2021 áp dụng mức chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới vì vậy tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện tăng. Tiêu chí này đã áp dụng để triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và các chính sách khác trên địa bàn huyện.

b. Tiêu chí 2:

Tỷ suất chết của trẻ em DTTS dưới 1 tuổi tại địa phương từ năm 2019 đến nay (31/12/2023). Tiêu chí này trên địa bàn huyện không thực hiện chính sách nào có áp dụng tiêu chí này.

c. Tiêu chí 3:

Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông tại địa phương từ năm 2019 đến nay (31/12/2023). Tiêu chí này hiện nay trên địa bàn huyện không xác định số liệu này.

(Có phụ lục 1, 2 kèm theo)

3. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc đối với nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

a) Chính sách đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

- Các chính sách hiện nay đang thực hiện trên địa bàn huyện: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổng số kinh phí năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 4.977,57 triệu đồng *(Vốn đầu tư 1.190,21 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 3.787,36 triệu đồng),* giải ngân đến ngày 31/12/2023 là 1.434,22 triệu đồng *(vốn đầu tư 1.006,66 triệu đồng đạt 84,58%; vốn sự nghiệp 427,56 triệu đồng đạt 11,29% kế hoạch).*

- Tổng kinh phí đã phân bổ năm 2023: là 39.660 triệu đồng (vốn đầu tư 20.445 triệu đồng, vốn sự nghiệp 19.215 triệu đồng), Kết quả giải ngân là 20.498,78 triệu đồng, đạt 51,69% (vốn đầu tư 18.563,74 triệu đồng, đạt 90,80%, Vốn sự nghiệp 1.935,04 triệu đồng, đạt 10,1%). Trong đó:

+ Nguồn vốn trung ương: 36.185 triệu đồng (vốn đầu tư 19.469 triệu đồng, vốn sự nghiệp 16.716 triệu đồng), giải ngân 19.738,37 triệu đồng (vốn đầu tư 17.932,67 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.805,7 triệu đồng).

+ Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 2.648 triệu đồng (vốn đầu tư 976 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.672 triệu đồng), giải ngân 760,508 triệu đồng (vốn đầu tư 631,068 triệu đồng, vốn sự nghiệp 129,34 triệu đồng).

- Nguồn vốn tín dụng 1.700 triệu đồng. Kết quả giải ngân vốn tín dụng 1.405 triệu đồng, đạt 50,74 %.

Năm 2022-2023 đã thực hiện đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng như đường giao thông, trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng, các điểm định canh, định cư tập trung, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ trực tiếp nước sinh hoạt phân tán phục vụ đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề phục sản xuất cho bà con; ngoài ra, còn hỗ trợ sinh kế cho đối tượng thụ hưởng của Chương trình để phát triển kinh tế gia đình; các chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; các chính sách về bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; hỗ trợ nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp về thực hiện chương trình mục tiêu, các chính sách cho người có uy tín,… đã góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, nâng cao đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo của người dân thuộc vùng đồng bào DTTS, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

b) Chính sách đối với dân tộc có khó khăn đặc thù: Không có.

4. Đánh giá ưu điểm, hạn chế của tiêu chí trong quá trình triển khai thực hiện chính sách giai đoạn 2021-2025

a. Ưu điểm

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, giám sát của HĐND, sự phối hợp của các cấp, các ngành, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban ngành và UBND các xã kịp thời tiếp thu, quán triệt và bám sát bám sát nội dung các văn bản hướng dẫn của cấp trên và căn cứ tình hình thực tế của địa phương mình gắn mục tiêu phát triển kinh tế -xã hội của địa phương. Đồng thời được sự đồng thuận, nhất trí và tham gia nhiệt tình của Nhân dân trong việc tham gia thực hiện chương trình, do đó các chính sách dân tộc trên địa bàn

huyện được triển khai thực hiện tốt đã góp phần làm cho huyện nhà ngày càng phát triển đi lên.

Về tiêu chí: Đối với tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo để làm căn cứ phân bổ vốn và thực hiện các chính sách trên địa bàn.

b. Hạn chế

Hệ thống chính sách liên quan đến chiến lược công tác dân tộc được ban hành nhiều nhưng chưa được đồng bộ, do đó gây khó khăn cho địa phương triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược. Nguồn lực phân bổ hàng năm từ các chương trình, chính sách, dự án còn nhỏ lẻ, chưa đáp ứng với tình hình thực tế của địa phương.

Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên liên quan đến các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn được sửa đổi, bổ sung còn chậm nên quá trình triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án còn gặp không ít khó khăn.

Đối với tiêu chí số 02 và tiêu chí số 03 được quy định trong Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg chưa được áp dụng để thực hiện chính sách trên địa bàn.

Phần thứ hai

KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DÂN TỘC CÒN GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ GIAI ĐOẠN 2026-2030

Hiện nay, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có Tiểu dự án 1, Dự án 9 áp dụng riêng cho dân tộc trong quá trình triển khai thực hiện còn gặp rất nhiều khó khăn do cơ chế thực hiện chính sách này chưa được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Vì vậy phải tạm dừng thực hiện theo văn bản của Uỷ ban Dân tộc. Kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Uỷ ban Dân tộc sớm có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể nếu tiếp tục triển khai thực hiện Tiểu dự án này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các Phòng: Dân tộc, Y tế, TC-KH, LĐ-TB&XH, Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các xã;
- C, PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Minh Long
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 20/05/2024 08:35:07

Đinh Thị Xuân Hương